

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI**  
**KHOA NGOẠI NGỮ**  
**BỘ MÔN NGOẠI NGỮ**

---

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TIẾNG ANH 5**

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

*Ngành/Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng*

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: **TIẾNG ANH 5**
- Mã học phần: DCB.04.10
- Số tín chỉ: 04
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 180 tiết
  - + Lý thuyết: 30 tiết
  - + Bài tập: 27 tiết
  - + Kiểm tra: 03 tiết
  - + Tự học: 90 tiết
- Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngành
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
  - 1) Họ và tên: ThS. Phạm Hồng Phương
    - Chức danh: Giảng viên
    - Thông tin liên hệ: ĐT: 0902075299
    - Email: phuongphamhong84@gmail.com
  - 2) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai
    - Chức danh: Giảng viên.
    - Thông tin liên hệ: ĐT: 0342445354.
    - Email: hongmai1910@gmail.com
  - 3) Họ và tên: ThS Nguyễn Thị Mai
    - Chức danh: Giảng viên
    - Thông tin liên hệ: ĐT: 0904731939;
    - Email: nguyenthimai@gmail.com

**2. Các học phần tiên quyết**

Các học phần tiên quyết: Tiếng Anh 4 (DCB.04.09)

**3. Mục tiêu của học phần:**

**3.1 Mục tiêu chung:**

Sau khi học xong học phần Tiếng Anh 5, sinh viên có thể:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức Tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành Kinh tế - Tài chính; đồng thời giúp sinh viên có kỹ năng dịch Anh – Việt và Việt – Anh các chủ đề cơ bản liên quan đến chuyên ngành.

### 3.2 Mục tiêu cụ thể

a) Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức Tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành Kinh tế - Tài chính gồm:

- Từ vựng và thuật ngữ chuyên môn đa dạng ở nhiều lĩnh vực: Kinh tế, thương mại, tài chính, kế toán, ngân hàng, bảo hiểm...
- Hiểu biết cơ bản về lĩnh vực tài chính như kết cấu nội bộ của doanh nghiệp, các chiến lược đầu tư, nghệ thuật đàm phán...
- Các mẫu câu cơ bản sử dụng khi viết báo cáo nội bộ, viết thư trong công việc.

b) Về kỹ năng:

- Củng cố kỹ năng nghe hiểu ý chính, nghe để lấy thông tin cụ thể;
- Củng cố kỹ năng đọc hiểu: đọc lướt, đọc quét, đọc lấy ý chính, đọc tìm thông tin cụ thể.
- Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, đưa ra quan điểm cá nhân.
- Củng cố kỹ năng viết trong một số tình huống thực tiễn.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng Tiếng Anh chuyên ngành cho công việc trong thời kỳ hội nhập quốc tế; từ đó chủ động trau dồi thêm kiến thức và tăng cường sử dụng Tiếng Anh nhiều hơn ngoài giờ học chính khóa.

## 4. Chuẩn đầu ra của học phần

### 4.1. Về kiến thức:

CLO 1.1: Vận dụng được kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh về các chủ đề liên quan đến ngành Kinh tế - Tài chính nhằm tác nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn.

### 4.2. Về kỹ năng:

CLO 2.1: Có khả năng nghe hiểu – đọc hiểu được thông tin cơ bản từ các nguồn tin về chuyên ngành Kinh tế - Tài chính bằng tiếng Anh.

CLO 2.2: Có thể dịch viết câu cơ bản Anh-Việt, Việt-Anh liên quan đến chuyên ngành.

### 4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CLO 3.1: Chủ động đưa ra ý kiến khi thảo luận trong nhóm hoặc thảo luận trong lớp, có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn.

**Ghi chú:** CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần.

## 5. Ma trận mức độ đóng góp của CDR học phần (CLO) vào CDR của CTĐT (PLO/Pis)

**Ghi chú:**

- PLO = Program Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	<b>PLO06</b>
<b>CLO 1.1</b>	<b>H</b>
<b>CLO 2.1</b>	<b>H</b>
<b>CLO 2.2</b>	<b>M</b>

*Ghi chú:*

*Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:*

L (Low) – Đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – Đóng góp vừa vào PLO

<b>CLO 3.1</b>	<b>H</b>	H (High) - Đóng góp nhiều vào PLO (Xem chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo – PLO, trong Phụ lục kèm theo)
<b>Tổng hợp toàn bộ HP</b>	<b>H</b>	

## 6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- Bài tập, thảo luận:
  - + Đọc tài liệu và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
  - + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

## 7. Tài liệu học tập:

### 7.2. Sách tham khảo:

#### 7.1. Giáo trình chính:

- *Finance 1* (Unit 7 – 12); Richard Clark & David Baker; Oxford University Press, 2011
- Tài liệu tự học học phần Tiếng Anh 5 (English 5 Self-study); Khoa Ngoại ngữ biên soạn, 2019.

#### 7.2. Sách tham khảo:

- Test your business vocabulary in use Intermediate; Tricia Aspinall & George Bethell; Cambridge, 2003
- Target TOEIC (Second edition); Anne Taylor; Compass Publishing, 2006

## 8. Nội dung học phần

### 8.1 Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 là khối lượng kiến thức của 06 bài sau (Unit 7 – Unit 12) trong giáo trình *Finance 1* do tác giả Richard Clark và David Baker biên soạn. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp khối lượng lớn từ vựng và thật ngữ chuyên ngành, đồng thời cung cấp hiểu biết thực tiễn về các lĩnh vực liên quan đến ngành Tài chính. Mỗi unit tập trung vào một chủ đề, được thể hiện qua các phần Từ vựng, Ngữ pháp, Phát âm, các phần kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết. Ngoài ra, mỗi unit còn trình bày về một kỹ năng cần thiết khi làm trong ngành Tài chính như kỹ năng thuyết trình và đàm phán, kỹ năng bán hàng qua điện thoại, ...

### 8.2 Ma trận phù hợp giữa các Chương của học phần với CDR học phần (CLO)

STT	Bài	CLO 1.1	CLO 2.1	CLO 2.2	CLO 3.1
1	Bài 7: Banking	P	P	P	P
2	Bài 8: Stock markets	P	P	P	P
3	Bài 9: Company internal finance	P	P	P	P
4	Bài 10: Company reporting	P	P	P	P

5	Bài 11: Accountancy and auditing	P	P	P	P
6	Bài 12: Insurance and risk	P	P	P	P

- ❖ **Ghi chú:** **I:** Introduction/ Giới thiệu  
**P:** Proficient/ Thuần thục, đủ  
**A:** Advanced/ Nâng cao

### 9. Kế hoạch giảng dạy:

	Nội dung giảng dạy	Số tiết (LT, BT, TH)	Tự học	CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
Buổi 1	Bài 7: Banking (Từ trang 60 đến trang 61)	2 Tiết lý thuyết 1 Tiết bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 2	Bài 7: Banking (Từ trang 62 đến trang 63)	2 Tiết lý thuyết 1 Tiết bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 3	Bài 7: Banking (Từ trang 64 đến trang 65)	2 Tiết lý thuyết 1 Tiết bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 4	Bài 7: Banking (Từ trang 66 đến trang 67)	2 Tiết lý thuyết 1 Tiết bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 5	Bài 8: Stock markets (Từ trang 68 đến trang 69)	2 Tiết lý thuyết 1 Tiết bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 6	Bài 8: Stock markets (Từ trang 70 đến trang 71)	2 Tiết lý thuyết 1 Tiết bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 7	Bài 8: Stock markets (Từ trang 72 đến trang 73) <b>Ôn tập và kiểm tra định kì lần 1</b>	1 Tiết lý thuyết 1 tiết kiểm tra 1 Tiết bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học - SV ôn tập và làm bài kiểm tra

	<b>Nội dung giảng dạy</b>	<b>Số tiết (LT, BT, TH)</b>	<b>Tự học</b>	<b>CLO</b>	<b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>
Buổi 8	Bài 8: Stock markets (Từ trang 74 đến trang 75) Bài 9: Company internal finance (Từ trang 76 đến trang 77)	2 Tiết lý thuyết 1 Tiết bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 9	Bài 9: Company internal finance (Từ trang 78 đến trang 79)	2 Tiết lý thuyết 1 Tiết bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 10	Bài 9: Company internal finance (Từ trang 80 đến trang 81)	2 Tiết lý thuyết 1 Tiết bài tập	5	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 11	Bài 9: Company internal finance (Từ trang 82 đến trang 83) <b>Ôn tập và kiểm tra định kì lần 2</b>	1 Tiết lý thuyết 1 tiết kiểm tra 1 Tiết bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 12	Bài 10: Company reporting (Từ trang 84 đến trang 87)	2 Tiết lý thuyết 1 Tiết bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 13	Bài 10: Company reporting (Từ trang 88 đến trang 91)	1 Tiết lý thuyết 2 Tiết bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 14	Bài 11: Accountancy and auditing (Từ trang 92 đến trang 93) <b>Ôn tập và kiểm tra định kì lần 3</b>	1 Tiết lý thuyết 1 tiết kiểm tra 1 Tiết bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 15	Bài 11: Accountancy and auditing (Từ trang 94 đến trang	2 Tiết lý thuyết 1 Tiết bài	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT

	<b>Nội dung giảng dạy</b>	<b>Số tiết (LT, BT, TH)</b>	<b>Tự học</b>	<b>CLO</b>	<b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>
	97)	tập		CLO3.1	Workbook và tài liệu tự học
Buổi 16	Bài 11: Accountancy and auditing (Từ trang 98 đến trang 99)	1 Tiết lý thuyết 2 Tiết bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 17	Bài 12: Insurance and risk (Từ trang 100 đến trang 102)	1 Tiết lý thuyết 2 Tiết bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 18	Bài 12: Insurance and risk (Từ trang 103 đến trang 105)	1 Tiết lý thuyết 2 Tiết bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 19	Bài 12: Insurance and risk (Từ trang 106 đến trang 107)	1 Tiết lý thuyết 2 Tiết bài tập	4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 20	Ôn tập thi hết học phần	3 tiết bài tập	4	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	- SV ôn tập theo hướng dẫn và yêu cầu của GV

## 10. Phương pháp dạy học

### 10.1 Các phương pháp dạy học được sử dụng

<b>STT</b>	<b>Phương pháp dạy học</b>	<b>Lựa chọn</b>
1	Phương pháp chung là thuyết trình kết hợp linh hoạt với các phương pháp dạy học tích cực.	x
2	Phương pháp dạy học giao tiếp	x
3	Phương pháp dạy học theo cặp, theo nhóm: Đóng vai; thảo luận, làm bài tập, bài tập lớn theo nhóm;	x
4	Phương pháp dạy học theo dự án mô phỏng thực tế	
5	Phương pháp dạy học theo nhiệm vụ	x
6	Phương pháp dạy học trải nghiệm: Thăm quan thực tế, kiến tập, thực tập doanh nghiệp	
7	Hướng dẫn tự học	x

### 10.2 Ma trận phù hợp giữa phương pháp dạy học với CLO

STT	Phương pháp dạy học	CLO 1.1	CLO 2.1	CLO 2.2	CLO 3.1
1	Thuyết trình	x			
2	Dạy học giao tiếp		x	x	x
3	Dạy học theo cặp, nhóm		x	x	x
4	Dạy học theo nhiệm vụ	x	x	x	x
5	Hướng dẫn tự học		x	x	x

## 11. Đánh giá kết quả học tập

### 11.1. Phương pháp, hình thức đánh giá

#### 11.1.1 Các phương pháp đánh giá

1) Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)

2) Đánh giá kiến thức, kỹ năng: Sinh viên hoàn thành bài thi trên giấy dạng trắc nghiệm và tự luận.

#### 11.1.2 Các hình thức đánh giá

a) Đánh giá thường xuyên (chuyên cần, thảo luận, báo cáo bài tập lớn)

b) Đánh giá định kỳ (03 bài kiểm tra 45 phút dạng trắc nghiệm và tự luận)

STT	Dạng bài	Số câu hỏi	Điểm
1	Nghe hiểu và chọn đáp án A,B,C,D; chọn câu đúng/sai hoặc hoàn thành thông tin trong bảng tóm tắt.	5	1
2	Đọc hiểu và lựa chọn câu Đúng hoặc Sai hoặc chọn đáp án A,B,C,D	5	1,5
3	Chọn từ cho sẵn điền vào câu, đoạn hoặc chọn đáp án A,B,C,D	5	1,5
4	Dịch các câu chuyên ngành từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt	5	2
5	Dịch các câu chuyên ngành từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh	5	2
6	Dựa vào các từ cho sẵn, viết tiếp để tạo thành câu có nghĩa	5	2

Phần 1: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 1 điểm

Phần 2: Mỗi câu đúng 0,3 điểm; tổng: 1,5 điểm

Phần 3: Mỗi câu đúng 0,3 điểm; tổng: 1,5 điểm

Phần 4: Mỗi câu đúng 0,4 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 5: Mỗi câu đúng 0,4 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 6: Mỗi câu đúng 0,4 điểm; tổng: 2 điểm

c) Đánh giá tổng kết: Thi kết thúc học phần theo bài thi giấy dạng tự luận thời gian 60 phút.

STT	Dạng bài	Số câu hỏi	Điểm
1	Đọc hiểu và lựa chọn câu Đúng hoặc Sai hoặc chọn đáp án A,B,C,D	10	2
2	Chọn từ cho sẵn điền vào câu, đoạn hoặc chọn đáp án A,B,C,D	10	2
3	Dịch các câu chuyên ngành từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt	5	2
4	Dịch các câu chuyên ngành từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh	5	2
5	Dựa vào các từ cho sẵn, viết tiếp để tạo thành câu có nghĩa	5	2

Phần 1: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 2: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 3: Mỗi câu đúng 0,4 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 4: Mỗi câu đúng 0,4 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 5: Mỗi câu đúng 0,4 điểm; tổng: 2 điểm

### 11.2 Đánh giá mức độ đạt CDR của học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	100%
01 bài kiểm tra 45 phút định kỳ lần 1	30	Trắc nghiệm và tự luận	Rubric	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2	40% 40% 20%
01 bài kiểm tra 45 phút định kỳ lần 2		Trắc nghiệm và tự luận	Rubric	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2	40% 40% 20%
01 bài kiểm tra 45 phút định kỳ lần 3		Trắc nghiệm và tự luận	Rubric	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2	40% 40% 20%
Bài thi 60 phút kết thúc học phần	60	Tự luận	Rubric	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	40% 40% 20%

### 11.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

11.3.1 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
– Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi.	Mức A	85 - 100



<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic.</li> <li>- Mắc 1-2 lỗi về thuật ngữ chuyên môn.</li> <li>- Còn vài lỗi chính tả.</li> </ul>	(Vượt quá mong đợi)	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng 70-80% câu hỏi.</li> <li>- Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic.</li> <li>- Mắc ít lỗi (3-5) lỗi về thuật ngữ chuyên môn.</li> <li>- Có khá nhiều lỗi chính tả.</li> </ul>	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	70 - 84
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng 50-60% câu hỏi.</li> <li>- Trình bày không rõ ý, chưa logic.</li> <li>- Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 5 lỗi).</li> <li>- Nhiều lỗi chính tả.</li> </ul>	Mức C (Đạt)	55 - 69
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng 40-50% câu hỏi.</li> <li>- Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%.</li> <li>- Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý.</li> <li>- Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn.</li> <li>- Nhiều lỗi chính tả.</li> </ul>	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	40 – 54
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các trường hợp còn lại</li> </ul>	Mức F (Không đạt)	Dưới 40

### 11.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Mức chất lượng</b>	<b>Thang điểm</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia học tập trên lớp đạt trên 95% số tiết học</li> <li>- Tích cực tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Ý thức, thái độ học tập tốt</li> </ul>	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia học tập trên lớp đạt từ 90-95% số tiết học</li> <li>- Có tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Ý thức, thái độ học tập tốt</li> </ul>	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia học tập trên lớp đạt từ 85-90% số tiết học</li> <li>- Ít tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Ý thức, thái độ học tập chưa cao</li> </ul>	Mức C (Đạt, song cần cải thiện)	5,5 - 6,9
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia học tập trên lớp đạt từ 80-85% số tiết học</li> <li>- Không tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Ý thức, thái độ học tập không nghiêm túc</li> </ul>	Mức D (Chưa đạt)	4,0 - 5,4

**12. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:**

- Giảng đường: Tên giảng đường được bố trí sắp xếp ngay khi có lịch báo giảng
- Danh mục trang thiết bị: Máy tính, máy chiếu, thiết bị âm thanh. Sinh viên mang theo giáo trình, tài liệu và dụng cụ học tập.

*Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2019*

**P.Trưởng Khoa**



**ThS . Nguyễn Thị Định**

**Trưởng bộ môn**



**ThS . Nguyễn Thị Định**

**Người soạn đề cương**



**ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai**